TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN B – TỈNH BẾN TRE**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do– Hạnh phúc**
Số: 03/2019/QĐST-DS	*B, ngày 16 tháng 01 năm 2019*

QUYẾT ĐỊNH C NHẬN
SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 08 tháng 01 năm 2018 về việc các đương sự đã thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 225/2018/TLST-DS ngày 12 tháng 12 năm 2018.

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là hoàn toàn tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn bảy ngày kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. C nhận sự thỏa thuận giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: 1. Anh Nguyễn Chiến C, sinh năm 1977;
  2. Chị Nguyễn Thị Ngọc C1, sinh năm 1978;
  Địa chỉ: ấp A, xã A1, huyện B, tỉnh Bến Tre.
- *Bị đơn*: 1. Anh Trần Thế V, sinh năm 1985;
  2. Chị Phan Thị C2, sinh năm 1989;
  Địa chỉ: ấp A, xã A1, huyện B, tỉnh Bến Tre.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Anh Trần Thế V và chị Phan Thị C2 có nghĩa vụ liên đới trả cho chị Trần Thị Ngọc C1 và anh Nguyễn Chiến C số tiền 67.500.000đ (sáu mươi bảy triệu năm trăm ngàn đồng). Thời gian trả được ấn định vào ngày 24/12/2020.

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật, có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015.

3. Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch do hòa giải thành nên được giảm 50%: 1.687.500đ (một triệu sáu trăm tám mươi bảy ngàn năm trăm đồng), mỗi bên nộp một nữa, cụ thể:

Anh Nguyễn Chiến C, chị Trần Thị Ngọc C1 phải liên đới nộp số tiền 843.750đ (Tám trăm bốn mươi ba ngàn bảy trăm năm mươi đồng) và được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 2.000.000đ (Hai triệu đồng) theo biên lai thu tiền số 0020175 ngày 04/12/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện B. Sau khi khấu trừ, anh C và chị C1 còn được nhận lại số tiền 1.156.250đ (một triệu một trăm năm mươi sáu ngàn hai trăm năm mươi đồng).

Anh Trần Thế V, chị Phan Thị C2 phải liên đới nộp số tiền 843.750đ (Tám trăm bốn mươi ba ngàn bảy trăm năm mươi đồng).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

THẨM PHÁN

***Nơi nhận*:**
- Các đương sự;
- VKSND huyện B;
- Chi Cục THADS huyện B;
- TAND tỉnh Bến Tre;
- Lưu.

Nguyễn Chí Vũ